TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:98/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Trần Thúy Nga và bà Trương Thị Lệ Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham G phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1970

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thiện G**, sinh năm 1973

Cùng cư trú tại: khu 2, ấp 1, xã G Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thiện G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01, ngày 28-01-1999 tại UBND xã G Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp nên thường xuyên cãi nhau xảy ra xung đột, ông G sống không chung thủy có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Bà T đã cố gắng khuyên nhủ nhưng ông G không thay đổi bản thân. Từ năm 2021 đến nay hai người không còn sống chung. Bà nhận thấy tình cảm thương yêu không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thiện G.

- Về nuôi con: có 02 con chung Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/02/2002 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 15/3/2003. Hiện nay hai con chung đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông G không đến Tòa án tham G tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn cũng như không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn Go nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Đồng thời đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến; không Go nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và những người tham G tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Về hôn nhân: Cho bà T được ly hôn với ông G. Về con chung: không xem xét giải quyết. Tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân G đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Thiện G có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp 1, xã G Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Bà T yêu cầu ly hôn, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 13/6/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc bà T xin ly hôn với ông G. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà là nguyên đơn, ông G là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông G được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01, ngày 28-01-1999 tại UBND xã G Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tại biên bản xác minh ngày 19/6/2023, bản tự khai ngày 16/06/2023 thể hiện vợ chồng bà có mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp nên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến xung đột. Bên cạnh đó ông G sống không chung thủy, có mối

quan hệ với người phụ nữ khác. Từ năm 2021 đến nay hai người không còn sống chung với nhau. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nhưng ông G không đến Tòa án, thể hiện thái độ bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến vợ con, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ G đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, bà T và ông G đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và G đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và G đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho bà T được ly hôn với ông G.

- Về nuôi con chung: Bà T và ông G có 02 con chung Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/02/2002 và Nguyễn Hoàng M sinh ngày 15/3/2003. Hiện nay hai con chung đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông G không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân G đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và G đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 131 Luật Hôn nhân và G đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

- Về hôn nhân: Bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thiện G.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/02/2002 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 15/3/2003. Hiện nay hai con chung đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, vì vậy không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004447 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà T và ông G biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã G Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, số 10, quyển số:01, ngày 28/01/1999 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan